TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/DS-ST.
Ngày: 31-10-2019
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Ngọc Lợi.
2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc " Tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Ông Đ, sinh năm: 1955 - Chủ hộ kinh doanh cá thể Đ (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 12, khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Như T, sinh năm: 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 12, khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Võ Anh T – Sinh năm: 1954 (Có đơn xin vắng mặt).
Bà Huỳnh Thị Đ - Sinh năm: 1956 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị Như T trình bày: Trước đây ông Võ Anh T có đến cửa hàng của ông Đđể mua phân bón thuốc sâu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Tính đến ngày 24/6/2017 ông T nợ cửa hàng vật tư của ông Đ với số tiền là 25.400.000 đồng. Phía ông Đ đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T cứ hẹn lần. Nay xét thấy khoản nợ trên đã lâu và quyền lợi của ông Đ bị xâm phạm nên ông Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T - bà Đ cùng liên đới trả khoản nợ trên. Lý do ông T mua vật tư nông nghiệp về phục vụ cho việc sản xuất chung trong gia đình. Ngoài ra, ông Đ òn

yêu cầu ông T - bà Đ trả khoản nợ lãi phát sinh tính từ ngày 24/6/2017 cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất mà pháp luật quy định.

Tại bản tự khai, bị đơn ông Võ Anh T và bà Huỳnh Thị Đ trình bày: ông bà thừa nhận còn nợ ông Đ tiền mua vật tư nông nghiệp là 25.400.000 đồng và kết toán nợ với nhau vào ngày 24/6/2017. Ông bà đồng ý ý trả số nợ trên nhưng khi nào bán được đất sẽ trả. Đối với số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 24/6/2017 cho đến ngày xét xử theo lãi suất do pháp luật quy định, ông bà thống nhất nhưng xin ông Đ xóa lãi vì hiện tại ông bà đã lớn tuổi, không có khả năng trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Ông Đ khởi kiện ông T và bà Đ về việc yêu cầu giao trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ông T – bà Đ với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 01 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Võ Anh T và bà Huỳnh Thị Đ với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã triệu tập hợp lệ ông ông T - bà Đ đến tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông T - bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt ông T - bà Đ là hoàn toàn phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Đ yêu cầu ông Võ Anh T và bà Huỳnh Thị Đ cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua vậtt tư nông nghiệp còn nợ là 25.400.000 đồng. Ngoài ra, ông Đcòn yêu cầu ông T – bà Đ trả khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 24/6/2017 cho đến ngày xét xử, mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Đối với này của ông Đđã được ông T – bà Đ thừa nhận và đồng ý trả nhưng ông bà cho rằng khi nào bán được đất sẽ trả. Mặc khác, ông T – bà Đ có ý kiến xin ông Đ xóa bỏ phần lãi vì theo ông bà khoản nợ gốc còn trả không nổi vì hiện tại ông bà đã lớn tuổi không đủ khả năng để trả.Tuy nhiên, ý kiến trên của ông T – bà Đ không được ông Đ đồng ý nhưng ông T – bà Đ đã thừa nhận khoản nợ thì phải có nghĩa vụ trả. Nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên cách thức thanh toán nợ sẽ do Chi cục thi hành án dân sự quyết định khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi của số tiền gốc 25.400.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, ông T – bà Đ đã thống nhất về thời gian tính lãi, số nợ phải trả và mức lãi suất được ông Đ xác định theo quy định pháp luật nên đối với yêu cầu tính lãi của ông Đ là có căn cứ.

Cụ thể như sau: Số tiền phải trả 25.400.000 đồng x mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 20% / năm x thời gian tính lãi từ ngày 24/6/2017 đến ngày xét xử ngày 31/10/2019 là 02 năm 130 ngày = 11.969.315 đồng (Làm tròn là 11.969.000 đồng).

Vậy tổng tiền ông T – bà Đ buộc trả cho ông Đ gốc là 24.500.000 đồng và tiền lãi là 11.969. 000 đồng.

[2.3]Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án; kể từ ngày ông Đcó đơn yêu cầu thi hành án ông T – bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông bà còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1,2 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ được chấp nhận nên ông T – bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền (25.400.000 đồng + 11. 969.000 đồng = 37.369.000 đồng) nhưng ông T – bà Đ là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí cho ông T – bà Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 11, Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ – Chủ hộ kinh doanh cá thể Đ

Buộc vợ chồng ông Võ Anh T và bà Huỳnh Thị Đ cùng liên đới giao trả cho ông Đ số tiền mua vật tư còn nợ gồm gốc là 25.400.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng) và nợ lãi phát sinh tính từ ngày 24/6/2017 đến ngày xét xử là 11.969.000 đồng (Mười một triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng)

Kể từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án, ông T – bà Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông T – bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Võ Anh T và bà Huỳnh Thị Đ.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm), ông Đđược tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 31-10-2019). Riêng ông T – bà Đ được tính kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ